

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TRÀ VINH  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày 16-02-2022

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Khoa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Thành;

Ông Đặng Văn Dũng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Giữ, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh không tham gia phiên tòa.***

Ngày 16 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Ông Trầm Kim C, sinh năm 1949 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Số 126 Đ, Khóm 2, Phường 3, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

***2. Bị đơn:*** Bà Huỳnh Thị Kim L, sinh năm 1956 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 126 Đ, Khóm 2, Phường 3, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn nội dung khởi kiện ngày 15 tháng 9 năm 2021, các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, ông Trầm Kim C là nguyên đơn trình bày: Năm 1976 ông Trầm Kim C và bà Huỳnh Thị Kim L quen biết, yêu thương nhau. Được sự đồng ý của cha mẹ, ông bà quyết định kết hôn. Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân Phường 3, thị xã T cấp ngày 05 tháng 5 năm 1999.*

Trong quá trình chung sống, ông bà có 05 người con chung gồm: Trầm Thị Thanh T, sinh năm 1977, Trầm Thị Kim N, sinh năm 1979, Trầm Kim T, sinh năm 1981, Trầm Thị Kim C, sinh năm 1984 và Trầm Thị Kim N, sinh năm 1986. Tất cả

đều đã thành niên.

Từ năm 2018 cho đến nay ông bà sống không hạnh phúc, luôn bất đồng ý kiến, không hợp nhau, đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành.

Nay xét thấy không thể duy trì cuộc sống hôn nhân nên ông C yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Ông C yêu cầu được ly hôn với bà Huỳnh Thị Kim L.

Về con chung: Đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông C yêu cầu được tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bà Huỳnh Thị Kim L là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt và cũng không có ý kiến trình bày bằng văn bản gửi cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự có cơ hội đoàn tụ và thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên việc hòa giải không tiến hành được do bà Huỳnh Thị Kim L vắng mặt. Vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, ông Trầm Kim C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ và không yêu cầu triệu tập thêm ai.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn”. Bị đơn cư trú tại Khóm 2, Phường 3, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị Kim L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Ông Trầm Kim C là nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về mặt nội dung: Ông Trầm Kim C và bà Huỳnh Thị Kim L xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1976, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 3, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Trà Vinh vào ngày 05 tháng 5 năm 1999. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống, ông C cho rằng giữa ông bà có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do sống không hạnh phúc, bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Ông bà đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Đối với bà Huỳnh Thị Kim L đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa án để hòa giải, xét xử nhưng bà L đều cố tình vắng mặt và cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án. Điều đó cho thấy bà L không có thiện chí hòa giải cũng

như không có nguyện vọng đoàn tụ với ông C, bỏ mặc mọi hậu quả xảy ra. Xét thấy hôn nhân giữa ông C và bà L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy yêu cầu ly hôn của của ông C là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về con chung: Đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông Trần Kim C yêu cầu được tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông Trần Kim C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng do ông C là người cao tuổi nên được miễn.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 53, 54, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Kim C.

Về hôn nhân: Ông Trần Kim C được ly hôn với bà Huỳnh Thị Kim L.

Về con chung: Đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Ông Trần Kim C yêu cầu được tự thỏa thuận, không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Ông Trần Kim C được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND Tp Trà Vinh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS Tp Trà Vinh;
- UBND Phường 3;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Anh Khoa**

